

**BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO BỘ VĂN HÓA, THỂ THAO VÀ DU LỊCH  
VIỆN VĂN HÓA, NGHỆ THUẬT, THỂ THAO VÀ DU LỊCH VIỆT NAM**

---

**Đỗ Mạnh Hải**

**NGHỆ THUẬT TẠO HÌNH  
TRANH PHONG CẢNH MIỀN NÚI PHÍA BẮC  
Ở VIỆT NAM GIAI ĐOẠN 1995-2020**

**Ngành: Lý luận và lịch sử mỹ thuật  
Mã ngành: 9210101**

**TÓM TẮT LUẬN ÁN TIẾN SĨ  
LÝ LUẬN VÀ LỊCH SỬ MỸ THUẬT**

**Hà Nội - 2026**

Công trình được hoàn thành tại:  
**Viện Văn hóa, Nghệ thuật, Thể thao và Du lịch Việt Nam**  
**Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch**

**Người hướng dẫn khoa học: PGS.TS. Bùi Thị Thanh Mai**

**Phản biện 1:**

**Phản biện 2:**

**Phản biện 3:**

Luận án sẽ được bảo vệ trước Hội đồng đánh giá luận án cấp Viện họp tại

**Viện Văn hóa, Nghệ thuật, Thể thao và Du lịch Việt Nam**

Số 32 phố Hào Nam, phường Ô Chợ Dừa, Tp.Hà Nội

Vào lúc            giờ            ngày            tháng            năm

**Có thể tìm hiểu luận án tại thư viện:**

**- Thư viện Quốc gia Việt Nam;**

**- Thư viện Viện Văn hóa, Nghệ thuật, Thể thao và Du lịch Việt Nam.**

## MỞ ĐẦU

### 1. Lý do lựa chọn đề tài

Từ sau công cuộc đổi mới, mỹ thuật Việt Nam bước vào giai đoạn vận động mạnh mẽ trong bối cảnh mở cửa, giao lưu và hội nhập quốc tế. Sự chuyển biến của đời sống xã hội, văn hóa và thẩm mỹ đã tạo điều kiện để các họa sĩ mở rộng đề tài, chất liệu, bút pháp và quan niệm biểu đạt. Trong tiến trình đó, tranh phong cảnh tiếp tục giữ vị trí quan trọng, không chỉ như một thể loại phản ánh vẻ đẹp thiên nhiên, mà còn như một phương tiện để nghệ sĩ bộc lộ cảm xúc, tổ chức không gian thẩm mỹ và thể hiện cách nhìn riêng trước hiện thực.

Miền núi phía Bắc Việt Nam là một không gian cảnh quan - văn hóa có đặc điểm nổi bật. Núi non trùng điệp, ruộng bậc thang, bản làng, đường đèo, sông suối, mây sương cùng đời sống của các cộng đồng dân tộc thiểu số đã tạo nên hệ hình tượng phong phú cho hội họa. Đây không chỉ là đối tượng để họa sĩ mô tả vẻ đẹp thiên nhiên, mà còn là môi trường giúp hình thành những biểu hiện tạo hình đặc thù về bố cục, hình, màu sắc, không gian và chất liệu.

Giai đoạn 1995–2020 được lựa chọn làm phạm vi nghiên cứu vì đây là chặng thời gian đủ dài để nhận diện sự vận động của tranh phong cảnh miền núi phía Bắc trong bối cảnh mỹ thuật Việt Nam đương đại. Từ sau năm 1995, hoạt động triển lãm, giao lưu nghệ thuật, công bố tác phẩm và đa dạng hóa chất liệu sáng tác diễn ra rõ nét hơn; đến năm 2020, hệ thống tác phẩm đã được công bố trong các triển lãm, vịnh tập, sách, báo, tạp chí chuyên ngành và các nguồn tư liệu liên quan cho phép hình thành một mẫu khảo sát tương đối rõ.

Mặc dù tranh phong cảnh miền núi phía Bắc xuất hiện khá thường xuyên trong mỹ thuật Việt Nam hiện đại và đương đại, nhưng

các nghiên cứu hiện có chủ yếu dừng ở việc giới thiệu tác giả, tác phẩm, nhận xét triển lãm hoặc đề cập đến phong cảnh như một bộ phận trong lịch sử mỹ thuật nói chung. Việc khảo sát một cách hệ thống nghệ thuật tạo hình của tranh phong cảnh miền núi phía Bắc ở Việt Nam giai đoạn 1995–2020 trên các phương diện bố cục, hình, màu sắc và không gian vẫn còn là khoảng trống cần được bổ sung. Xuất phát từ những lý do trên, luận án lựa chọn đề tài nhằm nhận diện, phân tích và lý giải những biểu hiện tạo hình chủ yếu của dòng tranh này, qua đó góp phần làm rõ đặc trưng, giá trị nghệ thuật, giá trị văn hóa và vị trí của tranh phong cảnh miền núi phía Bắc trong tiến trình mỹ thuật Việt Nam đương đại.

## **2. Mục đích và nhiệm vụ nghiên cứu**

### **2.1. Mục đích nghiên cứu**

Luận án hướng tới việc nhận diện, phân tích và lý giải đặc trưng ngôn ngữ tạo hình của tranh phong cảnh miền núi phía Bắc ở Việt Nam giai đoạn 1995–2020 trên các phương diện bố cục, hình, màu sắc và không gian. Trên cơ sở khảo sát và phân tích hệ thống tác phẩm thuộc phạm vi nghiên cứu, luận án làm rõ những biểu hiện tạo hình nổi bật, qua đó góp phần nhận diện đặc trưng thẩm mỹ, giá trị nghệ thuật và giá trị văn hóa của dòng tranh này trong bối cảnh mỹ thuật Việt Nam đương đại. Đồng thời, từ các kết quả phân tích, luận án bước đầu bàn luận về xu hướng vận động của tranh phong cảnh miền núi phía Bắc trong giai đoạn 1995–2020.

### **2.2. Nhiệm vụ nghiên cứu**

Để thực hiện mục đích trên, luận án triển khai các nhiệm vụ chủ yếu sau: tổng quan tình hình nghiên cứu, xây dựng cơ sở lý luận và xác lập hệ thống khái niệm, thuật ngữ sử dụng trong luận án; khảo

sát, thống kê và lựa chọn hệ thống tác phẩm tranh phong cảnh miền núi phía Bắc ở Việt Nam giai đoạn 1995–2020 từ các nguồn tư liệu có thể kiểm chứng như triển lãm mỹ thuật toàn quốc, triển lãm mỹ thuật khu vực, vịnh tập, sách, báo, tạp chí chuyên ngành và các nguồn công bố liên quan nhằm hình thành mẫu khảo sát có tính đại diện; phân tích các yếu tố tạo hình cơ bản trên các phương diện bố cục, hình, màu sắc và không gian; xác định đặc trưng, giá trị nghệ thuật và bàn luận về vị trí của tranh phong cảnh miền núi phía Bắc trong mỹ thuật Việt Nam giai đoạn nghiên cứu.

### **3. Đối tượng và phạm vi nghiên cứu**

#### **3.1. Đối tượng nghiên cứu**

Đối tượng nghiên cứu của luận án là ngôn ngữ tạo hình của tranh phong cảnh miền núi phía Bắc Việt Nam giai đoạn 1995–2020, tập trung vào các yếu tố cơ bản như bố cục, hình, màu sắc và không gian.

#### **3.2. Phạm vi nghiên cứu**

Về thời gian, luận án tập trung nghiên cứu các tác phẩm được sáng tác trong giai đoạn từ năm 1995 đến năm 2020. Về nội dung, luận án giới hạn ở việc khảo sát và phân tích các biểu hiện của ngôn ngữ tạo hình trong tranh phong cảnh miền núi phía Bắc ở Việt Nam trên các phương diện bố cục, hình, màu sắc và không gian; không đi sâu nghiên cứu toàn bộ vấn đề lịch sử tác giả, tiểu sử họa sĩ hay tất cả các bình diện tiếp nhận của tác phẩm. Về tư liệu khảo sát, luận án lựa chọn các tác phẩm tiêu biểu được công bố, trưng bày hoặc giới thiệu trong các triển lãm mỹ thuật toàn quốc, triển lãm khu vực và một số nguồn tư liệu chuyên ngành có độ tin cậy như vịnh tập, catalogue, sách, báo, tạp chí chuyên ngành và công trình nghiên cứu liên quan. Về nguyên tắc lựa chọn mẫu, luận án ưu tiên những tác phẩm phù

hợp với tiêu chí đề tài, nằm trong phạm vi thời gian nghiên cứu, có thông tin tương đối rõ về tác giả, thời điểm công bố hoặc trưng bày, đồng thời phản ánh được các biểu hiện tiêu biểu của ngôn ngữ tạo hình trong tranh phong cảnh miền núi phía Bắc.

#### **4. Câu hỏi nghiên cứu**

Luận án tập trung trả lời ba câu hỏi nghiên cứu: tranh phong cảnh miền núi phía Bắc Việt Nam giai đoạn 1995–2020 hình thành và phát triển trong bối cảnh nào; ngôn ngữ tạo hình của tranh phong cảnh miền núi phía Bắc ở Việt Nam giai đoạn 1995–2020 được biểu hiện như thế nào trên các phương diện bố cục, hình, màu sắc và không gian; và tranh phong cảnh miền núi phía Bắc giai đoạn 1995–2020 có những đặc trưng, giá trị nghệ thuật nào, đồng thời giữ vị trí ra sao trong mỹ thuật Việt Nam đương đại.

#### **5. Giả thuyết nghiên cứu**

Giả thuyết thứ nhất: tranh phong cảnh miền núi phía Bắc ở Việt Nam giai đoạn 1995–2020 hình thành và phát triển trong bối cảnh đời sống mỹ thuật Việt Nam có nhiều chuyển biến dưới tác động của quá trình đổi mới, mở cửa, giao lưu và hội nhập; từ đó tạo điều kiện cho sự vận động của ngôn ngữ tạo hình trong hội họa. Giả thuyết thứ hai: ngôn ngữ tạo hình của tranh phong cảnh miền núi phía Bắc được thể hiện chủ yếu qua các phương diện bố cục, hình, màu sắc và không gian; sự kết hợp của các yếu tố này tạo nên diện mạo biểu hiện tương đối rõ của đối tượng nghiên cứu. Giả thuyết thứ ba: trên cơ sở những biểu hiện ngôn ngữ tạo hình nêu trên, tranh phong cảnh miền núi phía Bắc ở Việt Nam giai đoạn 1995–2020 có thể được nhận diện như một dòng tranh có đặc trưng và giá trị nghệ thuật riêng, đồng thời có vị trí nhất định trong tiến trình mỹ thuật Việt Nam đương đại.

## **6. Phương pháp nghiên cứu**

Luận án sử dụng phương pháp phân tích và tổng hợp tài liệu nhằm xây dựng tổng quan tình hình nghiên cứu, xác lập cơ sở lý luận và hệ thống khái niệm, thuật ngữ liên quan đến đối tượng nghiên cứu. Phương pháp khảo sát, thống kê được sử dụng để thiết lập nguồn ngữ liệu nghiên cứu, lập danh mục tác phẩm thuộc phạm vi nghiên cứu, sau đó thống kê và phân loại theo các tiêu chí như thời gian sáng tác, tác giả, chất liệu, mô-típ cảnh quan, nguồn công bố hoặc trưng bày. Phương pháp so sánh được triển khai nhằm làm rõ những nét tương đồng và khác biệt trong biểu hiện ngôn ngữ tạo hình của các nhóm tác phẩm trong chính đối tượng nghiên cứu và đối chiếu có giới hạn với một số nhóm tranh phong cảnh khác. Luận án cũng sử dụng phương pháp phỏng vấn chuyên gia như nguồn tư liệu định tính có tính chất bổ trợ, đồng thời vận dụng tiếp cận liên ngành từ Mỹ thuật học, Văn hóa học, Lịch sử mỹ thuật và Dân tộc học nhằm lý giải mối quan hệ giữa tác phẩm với cảnh quan tự nhiên, không gian văn hóa vùng miền, đời sống tộc người và bối cảnh xã hội của giai đoạn 1995–2020.

## **7. Ý nghĩa khoa học và thực tiễn của đề tài**

Về ý nghĩa khoa học, luận án góp phần bổ sung cách tiếp cận chuyên biệt về ngôn ngữ tạo hình đối với tranh phong cảnh miền núi phía Bắc ở Việt Nam giai đoạn 1995–2020, qua đó làm rõ một khoảng trống nghiên cứu trong mỹ thuật Việt Nam đương đại. Về ý nghĩa thực tiễn, kết quả nghiên cứu của luận án có thể được sử dụng như tài liệu tham khảo cho việc nghiên cứu, giảng dạy và học tập trong các lĩnh vực lý luận, lịch sử mỹ thuật, hội họa và văn hóa nghệ thuật; đồng thời góp phần cung cấp thêm nguồn tư liệu phục vụ cho

việc tìm hiểu tranh phong cảnh miền núi phía Bắc ở Việt Nam giai đoạn 1995–2020, đặc biệt ở phương diện biểu hiện nghệ thuật tạo hình. Ở góc độ rộng hơn, luận án góp phần làm rõ giá trị thẩm mỹ và giá trị văn hóa của cảnh quan miền núi phía Bắc trong hội họa Việt Nam đương đại, qua đó hỗ trợ việc nhận diện bản sắc vùng miền trong sáng tác mỹ thuật.

## **8. Cấu trúc của luận án**

Ngoài phần Mở đầu (09 trang), Kết luận (03 trang), Tài liệu tham khảo (13 trang) và Phụ lục (65 trang), nội dung chính của luận án gồm 3 chương: Chương 1: Tổng quan tình hình nghiên cứu, cơ sở lý luận và khái quát về đối tượng nghiên cứu (44 trang); Chương 2: Biểu hiện nghệ thuật tạo hình tranh phong cảnh miền núi phía Bắc ở Việt Nam giai đoạn 1995–2020 (59 trang); Chương 3: Đặc trưng, giá trị nghệ thuật và bàn luận về nghệ thuật tạo hình tranh phong cảnh miền núi phía Bắc ở Việt Nam giai đoạn 1995 - 2020 (45 trang).

### **Chương 1**

## **TỔNG QUAN TÌNH HÌNH NGHIÊN CỨU, CƠ SỞ LÝ LUẬN VÀ KHÁI QUÁT VỀ ĐỐI TƯỢNG NGHIÊN CỨU**

### **1.1. Tổng quan tình hình nghiên cứu**

#### ***1.1.1. Nhóm tài liệu về lịch sử và lý luận tranh phong cảnh***

Nhóm tài liệu này cho thấy nghiên cứu về tranh phong cảnh hình thành khá sớm trong tiến trình mỹ thuật thế giới và phát triển theo nhiều hướng tiếp cận khác nhau. Ở phương Tây, các công trình thường đặt tranh phong cảnh trong quan hệ với tranh tôn giáo, tranh lịch sử hoặc chân dung, từ đó chỉ ra quá trình phong cảnh dần trở thành một thể loại độc lập. Các nghiên cứu của Vasari, Burckhardt, Kenneth Clark, Bo Jeffares, Wendy Beckett, Nils Büttner, Norbert

Wolf và một số tác giả khác cung cấp nền tảng lý luận về lịch sử thể loại, quan niệm thẩm mỹ, bố cục, ánh sáng, màu sắc và cách tổ chức không gian trong tranh phong cảnh. Ở phương Đông, đặc biệt trong truyền thống Trung Hoa và Nhật Bản, phong cảnh gắn với tư tưởng triết học, ý cảnh, khí vận và quan niệm hài hòa giữa con người với tự nhiên. Những tài liệu này tạo cơ sở để luận án tiếp cận phong cảnh không chỉ như hình ảnh mô tả thiên nhiên, mà còn như một hệ biểu đạt gắn với tư duy thẩm mỹ và không gian văn hóa.

### ***1.1.2. Nhóm tài liệu về tranh phong cảnh Việt Nam và các tác giả, tác phẩm liên quan***

Nhóm tài liệu về tranh phong cảnh Việt Nam chủ yếu xuất hiện trong các giáo trình mỹ thuật, công trình tổng kết lịch sử mỹ thuật, sách phê bình và giới thiệu tác giả, tác phẩm. Các tài liệu này giúp nhận diện quá trình hình thành và phát triển của tranh phong cảnh trong mỹ thuật Việt Nam hiện đại, đồng thời cung cấp dữ liệu về chất liệu, phong cách và một số tác giả tiêu biểu. Tuy nhiên, cách tiếp cận thường thiên về mô tả, giới thiệu hoặc đánh giá khái quát. Việc khảo sát đồng bộ các yếu tố ngôn ngữ tạo hình như bố cục, hình, màu sắc và không gian trong tranh phong cảnh Việt Nam vẫn chưa được triển khai chuyên sâu, nhất là đối với một khu vực cụ thể như miền núi phía Bắc trong giai đoạn 1995–2020.

### ***1.1.3. Nhóm tài liệu liên quan đến tranh phong cảnh miền núi phía Bắc ở Việt Nam***

Các tài liệu liên quan trực tiếp đến tranh phong cảnh miền núi phía Bắc thường xuất hiện dưới dạng bài viết tạp chí chuyên ngành, bài giới thiệu triển lãm, kỷ yếu hội thảo, vụng tập triển lãm và sách tổng kết mỹ thuật khu vực. Nhóm tài liệu này cung cấp nhiều thông

tin về tác phẩm, tác giả, sự kiện triển lãm, mô-típ cảnh quan, chất liệu và khuynh hướng sáng tác. Tuy nhiên, phần lớn nghiên cứu còn thiên về cảm nhận thẩm mỹ và mô tả tác phẩm, chưa đi sâu vào kỹ thuật tạo hình, cấu trúc hình ảnh, cơ chế chuyển hóa trải nghiệm cảnh quan thành ngôn ngữ hội họa, đồng thời chưa phân tích đồng bộ mối quan hệ giữa bố cục, hình, màu sắc, không gian với bản sắc vùng miền trong giai đoạn 1995–2020.

#### ***1.1.4. Đánh giá chung***

Qua tổng quan tình hình nghiên cứu, có thể nhận thấy các công trình trong và ngoài nước đã cung cấp cơ sở quan trọng về lịch sử, lý luận và thực tiễn sáng tác tranh phong cảnh. Tuy nhiên, vẫn tồn tại khoảng trống khoa học liên quan đến việc nghiên cứu chuyên sâu tranh phong cảnh miền núi phía Bắc ở Việt Nam giai đoạn 1995–2020 từ phương diện ngôn ngữ tạo hình. Nhiều công trình chưa phân tích đồng bộ các yếu tố bố cục, hình, màu sắc và không gian; chưa làm rõ mối quan hệ giữa nghệ thuật tạo hình với bản sắc vùng miền; và chưa xác định đầy đủ vị trí của dòng tranh này trong mỹ thuật Việt Nam đương đại. Khoảng trống đó là cơ sở để luận án triển khai nghiên cứu một cách hệ thống.

### **1.2. Cơ sở lý luận**

#### ***1.2.1. Một số khái niệm liên quan đến luận án***

Luận án xác lập và sử dụng các khái niệm cơ bản gồm nghệ thuật tạo hình, tranh phong cảnh, tranh phong cảnh miền núi phía Bắc, ngôn ngữ tạo hình, bố cục, hình, màu sắc, không gian và chất liệu. Nghệ thuật tạo hình được hiểu là phương diện biểu hiện của tác phẩm hội họa thông qua sự tổ chức các yếu tố ngôn ngữ thị giác nhằm tạo nên hình tượng và giá trị thẩm mỹ của bức tranh. Tranh

phong cảnh là thể loại hội họa lấy cảnh quan thiên nhiên hoặc không gian do con người tạo lập làm chủ thể biểu đạt. Trong luận án, tranh phong cảnh miền núi phía Bắc được tiếp cận như những tác phẩm lấy cảnh quan, không gian cư trú và đời sống vùng cao thuộc khu vực miền núi phía Bắc Việt Nam làm đối tượng biểu hiện, đồng thời bộc lộ đặc điểm tạo hình thông qua bố cục, hình, màu sắc, không gian và chất liệu.

### ***1.2.2. Lý thuyết nghiên cứu***

Luận án vận dụng lý thuyết địa văn hóa, lý thuyết hình thức nghệ thuật và hướng tiếp cận biểu tượng - văn hóa trong nghiên cứu mỹ thuật. Lý thuyết địa văn hóa giúp lý giải mối quan hệ giữa cảnh quan tự nhiên, môi trường cư trú, đời sống cộng đồng và bản sắc văn hóa vùng miền; lý thuyết hình thức nghệ thuật tạo cơ sở phân tích các yếu tố thị giác như bố cục, hình, màu sắc, không gian và chất liệu; còn tiếp cận biểu tượng - văn hóa giúp nhận diện cách cảnh quan miền núi được chuyển hóa thành hình tượng nghệ thuật mang ý nghĩa thẩm mỹ và văn hóa. Sự kết hợp các lý thuyết này giúp luận án không dừng ở mô tả đề tài, mà hướng tới phân tích ngôn ngữ tạo hình trong mối liên hệ với đời sống văn hóa, môi trường địa lý và bối cảnh xã hội.

## **1.3. Khái quát về tranh phong cảnh miền núi phía Bắc Việt Nam giai đoạn 1995–2020**

### ***1.3.1. Khái quát về lịch sử tranh phong cảnh miền núi Việt Nam***

Tranh phong cảnh miền núi Việt Nam hình thành và phát triển cùng tiến trình tiếp nhận ngôn ngữ hội họa hiện đại. Từ đầu thế kỷ XX, cảnh quan miền núi đã trở thành nguồn cảm hứng của nhiều họa sĩ bởi vẻ đẹp địa hình, sắc thái khí hậu và đời sống văn hóa đặc thù. Qua các giai đoạn lịch sử, phong cảnh miền núi không chỉ được mô

tả như cảnh quan tự nhiên mà còn gắn với ký ức lịch sử, đời sống lao động, sinh hoạt cộng đồng và cảm thức thẩm mỹ về vùng cao. Trước năm 1995, các mô-típ núi non, bản làng, ruộng bậc thang, đường đèo, sương mây và con người miền núi đã từng bước được xác lập, tạo nền tảng cho sự đa dạng hóa mạnh về cách nhìn và biểu hiện tạo hình trong giai đoạn 1995–2020.

### ***1.3.2. Bối cảnh lịch sử, xã hội, văn hóa và mỹ thuật Việt Nam giai đoạn 1995–2020***

Giai đoạn 1995–2020 đánh dấu bước chuyển quan trọng của mỹ thuật Việt Nam trong bối cảnh hội nhập và biến đổi kinh tế - xã hội. Hoạt động triển lãm, giao lưu nghệ thuật, đào tạo mỹ thuật và tiếp xúc với các khuynh hướng sáng tác mới tạo điều kiện cho họa sĩ mở rộng phương thức biểu đạt. Đối với tranh phong cảnh miền núi phía Bắc, bối cảnh này làm cho phong cảnh không còn chỉ là sự mô tả cảnh quan, mà trở thành phương tiện biểu đạt cảm xúc cá nhân, nhận thức về cấu trúc không gian và sự chuyển hóa cảnh quan thành hình tượng nghệ thuật gắn với đời sống cư trú, mùa vụ, nhịp sinh hoạt và bản sắc văn hóa vùng cao.

### ***1.3.3. Khái quát về tranh phong cảnh miền núi phía Bắc ở Việt Nam giai đoạn 1995–2020***

Trong giai đoạn 1995–2020, tranh phong cảnh miền núi phía Bắc tiếp tục hiện diện tương đối đều trong các kỳ triển lãm mỹ thuật quy mô toàn quốc và khu vực, đồng thời xuất hiện trong nhiều nguồn công bố chuyên ngành khác như vựng tập, catalogue, sách, báo và tạp chí mỹ thuật. Trên cơ sở tổng hợp từ hệ thống tư liệu khảo sát, luận án ghi nhận 106 tác phẩm tranh phong cảnh miền núi phía Bắc được lựa chọn làm ngữ liệu nghiên cứu. Mẫu khảo sát này không nhằm bao quát toàn bộ

tuyệt đối sáng tác về phong cảnh miền núi phía Bắc trong suốt 25 năm, mà được xác định như một hệ ngữ liệu có tính đại diện, đủ để cho thấy những khuynh hướng tương đối rõ về đề tài, chất liệu, thể loại và phương thức biểu hiện của dòng tranh này.

Xét theo chất liệu, mẫu khảo sát cho thấy sơn mài và sơn dầu là hai chất liệu chiếm ưu thế rõ rệt, với 41 tác phẩm sơn mài và 27 tác phẩm sơn dầu trong tổng số 106 tác phẩm. Bên cạnh đó, acrylic có 6 tác phẩm, bột màu có 4 tác phẩm, nhóm chất liệu và kỹ thuật thiên về đường nét, in khắc như khắc gỗ, khắc thạch cao, sơn khắc có 14 tác phẩm; nhóm chất liệu mềm và giàu sắc độ nhẹ như lụa, thủy mặc, màu nước cũng đạt 14 tác phẩm. Xét theo thể loại, hội họa chiếm 91 tác phẩm, đồ họa có 15 tác phẩm; đồng thời có 14 tác phẩm thuộc mảng này đạt giải trong hệ thống triển lãm khu vực ở các mức Giải A, Giải B, Giải C, tặng thưởng hoặc khuyến khích.

### **Tiểu kết**

Chương 1 đã tập trung làm rõ những nội dung nền tảng của luận án, gồm tổng quan tình hình nghiên cứu, cơ sở lý luận và khái quát về tranh phong cảnh miền núi phía Bắc Việt Nam giai đoạn 1995–2020. Qua khảo sát các tài liệu trong và ngoài nước liên quan đến tranh phong cảnh nói chung và tranh phong cảnh miền núi phía Bắc nói riêng, có thể nhận thấy các công trình, bài viết, giáo trình, vịnh tập và tư liệu triển lãm đã cung cấp nhiều thông tin quan trọng, nhưng chưa trực tiếp xây dựng một hệ thống nghiên cứu chuyên sâu về nghệ thuật tạo hình tranh phong cảnh miền núi phía Bắc trên nền tảng một hệ thống tác phẩm xác định.

Trên phương diện lý luận, Chương 1 đã xác lập các khái niệm và thuật ngữ cơ bản được sử dụng trong luận án như nghệ thuật tạo

hình, tranh phong cảnh, tranh phong cảnh miền núi phía Bắc, bố cục, hình, màu sắc, không gian và chất liệu. Đồng thời, việc khái quát đối tượng nghiên cứu trong giai đoạn 1995–2020 giúp luận án hình thành nền tảng tư liệu cần thiết để đi sâu vào phân tích các biểu hiện tạo hình cụ thể ở Chương 2.

## **Chương 2**

### **BIỂU HIỆN NGHỆ THUẬT TẠO HÌNH TRANH PHONG CẢNH MIỀN NÚI PHÍA BẮC Ở VIỆT NAM GIAI ĐOẠN 1995–2020**

#### **2.1. Bố cục trong tranh phong cảnh miền núi phía Bắc**

##### ***2.1.1. Bố cục với khuôn hình toàn cảnh***

Bố cục với khuôn hình toàn cảnh cho phép họa sĩ bao quát quy mô rộng lớn của cảnh quan miền núi, đồng thời sắp xếp nhiều yếu tố như núi đồi, thung lũng, ruộng bậc thang, bản làng, cây cối, sông suối và dấu vết cư trú trong cùng một chỉnh thể thị giác. Giá trị của dạng bố cục này không chỉ nằm ở việc mở rộng trường nhìn, mà còn ở khả năng tổ chức các mảng hình lớn, xác lập quan hệ giữa các lớp cảnh và điều tiết hướng vận động của mắt nhìn trên mặt tranh. Các tác phẩm tiêu biểu cho thấy bố cục toàn cảnh thường phát triển theo chiều ngang hoặc chiều chéo, tạo cảm giác khoáng đạt, trùng điệp và giàu nhịp điệu địa hình.

##### ***2.1.2. Bố cục với khuôn hình trung cảnh***

Bố cục với khuôn hình trung cảnh tạo khoảng nhìn vừa phải, giúp người xem đồng thời nhận diện đặc điểm cảnh quan và cảm nhận rõ hơn không gian cư trú, sinh hoạt của con người miền núi. Nếu toàn cảnh nhấn mạnh độ rộng và tầm vóc địa hình, trung cảnh thường hướng tới sự cân bằng giữa cảnh quan thiên nhiên và các dấu

hiệu đời sống như nhà sàn, đường bản, nương rẫy, vườn cây, người lao động hoặc sinh hoạt cộng đồng. Dạng bố cục này góp phần làm cho phong cảnh miền núi không bị xa cách như một đối tượng chiêm ngưỡng thuần túy, mà hiện lên như một không gian sống cụ thể.

### ***2.1.3. Bố cục với khuôn hình cận cảnh***

Bố cục với khuôn hình cận cảnh tập trung vào một chi tiết gần như cây cối, hoa rừng, mái nhà, hàng rào, đường đất, bậc thang ruộng hoặc hình người trong cảnh quan. Dạng bố cục này làm nổi bật khả năng biểu cảm của các mô-típ nhỏ, đồng thời tạo điểm nhấn thị giác và cảm xúc cho tác phẩm. Trong tranh phong cảnh miền núi phía Bắc, cận cảnh không chỉ là phóng đại chi tiết mà còn là cách họa sĩ chuyển cảm xúc trước cảnh vật thành nhịp điệu mảng, đường nét và sắc độ cụ thể.

## **2.2. Hình trong tranh phong cảnh miền núi phía Bắc**

Hình giữ vai trò trung tâm trong việc kiến tạo không gian, truyền tải đặc trưng địa hình và biểu đạt sắc thái văn hóa của tranh phong cảnh miền núi phía Bắc. Hình trong dòng tranh này không chỉ là đường nét mô tả đối tượng, mà còn là cấu trúc mảng, nhịp điệu và quan hệ tạo hình giữa núi, ruộng, bản làng, cây cối, con người, vật nuôi và các dấu hiệu cư trú. Luận án phân tích hình theo ba hướng: biểu đạt hình theo khuynh hướng tả thực, biểu đạt hình mang tính ước lệ và biểu đạt hình gắn với đời sống, không gian cư trú; qua đó làm rõ cách cảnh quan vùng cao được chuyển hóa thành hình tượng hội họa.

### ***2.2.1. Biểu đạt hình theo khuynh hướng tả thực***

Ở khuynh hướng tả thực, họa sĩ giữ lại tỷ lệ, cấu trúc và quan hệ không gian tương đối rõ của cảnh quan miền núi. Hình núi, ruộng bậc

thang, nhà sàn, con đường, cây cối và con người được tổ chức nhằm tạo cảm giác tin cậy về địa hình và đời sống thực. Tuy nhiên, tả thực trong các tác phẩm này không đơn thuần là sao chép tự nhiên, mà là sự chọn lọc, nhấn mạnh những yếu tố có khả năng biểu đạt đặc trưng vùng cao.

### **2.2.2. Biểu đạt hình mang tính ước lệ**

Bên cạnh khuynh hướng tả thực, nhiều tác phẩm sử dụng hình theo hướng ước lệ, giản lược và khái quát nhằm nhấn mạnh cảm xúc và cấu trúc thị giác. Núi có thể được cô đọng thành mảng lớn, ruộng bậc thang được chuyển thành nhịp tuyến uốn lượn, bản làng trở thành các khối hình giản lược, còn cây cối và sương mây được xử lý như các lớp mảng tạo nhịp. Xu hướng này làm cho tranh phong cảnh miền núi phía Bắc không chỉ ghi nhận cảnh vật mà còn chuyển hóa cảnh vật thành hình tượng nghệ thuật giàu tính biểu cảm.

### **2.2.3. Biểu đạt hình gắn với đời sống và không gian cư trú**

Một biểu hiện quan trọng của hình trong tranh phong cảnh miền núi phía Bắc là sự gắn kết với đời sống và không gian cư trú. Các yếu tố như nhà sàn, bờ rào đá, con đường bản, chợ phiên, nương rẫy, người đi chợ, người lao động hay dáng sinh hoạt cộng đồng không chỉ là chi tiết minh họa, mà góp phần xác lập bản sắc không gian vùng cao. Nhờ sự hiện diện của các hình tượng này, phong cảnh miền núi hiện lên như một không gian sống, nơi thiên nhiên và con người cùng tạo nên cấu trúc thẩm mỹ của tác phẩm.

## **2.3. Màu sắc trong tranh phong cảnh miền núi phía Bắc**

### **2.3.1. Hòa sắc nóng**

Hòa sắc nóng được sử dụng để diễn tả ánh sáng, mùa màng, lễ hội và sinh khí của đời sống vùng cao. Các sắc vàng, cam, đỏ, nâu đỏ

hoặc hồng có thể gắn với mùa lúa chín, đất núi, ánh chiều, hoa rừng, trang phục dân tộc hoặc không khí sinh hoạt cộng đồng. Trong nhiều tác phẩm, hòa sắc nóng không chỉ tạo cảm giác rực rỡ mà còn làm tăng tính biểu cảm, lãng mạn và sức sống của cảnh quan miền núi.

### ***2.3.2. Hòa sắc lạnh***

Hòa sắc lạnh thường được sử dụng để thể hiện chiều sâu không gian, sự mờ nhạt và hùng vĩ của núi rừng miền Bắc. Các sắc xanh, lam, tím, ghi lạnh và xám sương góp phần tạo cảm giác xa, sâu, bằng phẳng hoặc tĩnh lặng. Hệ màu này phù hợp với đặc điểm khí hậu vùng cao, nơi sương mây, núi xa, thung lũng và ánh sáng dịu tạo nên không khí thị giác riêng.

### ***2.3.3. Hòa sắc trung tính***

Hòa sắc trung tính giữ vai trò cân bằng tổng thể sắc độ và bố cục, góp phần làm nổi bật vẻ đẹp mộc mạc, bền vững và giản dị của cảnh quan miền núi. Các sắc nâu đất, ghi, xám, đen, trắng ngà hoặc những gam trầm của gỗ, đá, đất và mái nhà tạo nên nền thị giác ổn định, giúp các điểm màu nóng hoặc lạnh phát huy hiệu quả. Trong nhiều tác phẩm, hòa sắc trung tính cũng gợi cảm giác thâm trầm, cổ kính và bền bỉ của không gian cư trú vùng cao.

## **2.4. Không gian trong tranh phong cảnh miền núi phía Bắc**

### ***2.4.1. Không gian viễn cận***

Không gian viễn cận thường được tổ chức theo nhiều lớp cảnh, phù hợp với đặc điểm địa hình trùng điệp của miền núi phía Bắc. Chiều sâu trong tranh có thể được hình thành bằng vật cản trung gian, lớp núi xa gần, sự thay đổi kích thước hình, tương quan đậm nhạt, sắc độ màu và hướng tuyến dẫn. Không gian viễn cận giúp người xem cảm nhận được độ cao, độ sâu, khoảng cách và tầm vóc của cảnh

quan vùng cao, đồng thời làm nổi bật mối quan hệ giữa thiên nhiên rộng lớn với dấu vết cư trú của con người.

#### **2.4.2. Không gian mang tính ước lệ**

Không gian mang tính ước lệ thể hiện xu hướng giải phóng khỏi mô tả hiện thực trực quan để nhấn mạnh cảm xúc, nhịp điệu và tính biểu tượng của cảnh quan. Chiều sâu trong dạng không gian này được hình thành thông qua tương quan sáng tối, chênh lệch mảng màu, nhịp điệu hình, sự xếp lớp ước lệ hoặc cách tổ chức mặt tranh gần với cảm quan trang trí. Nhờ đó, phong cảnh miền núi phía Bắc được chuyển hóa thành không gian nghệ thuật giàu tính gợi hơn là không gian mô tả thuần túy.

#### **Tiểu kết**

Trên cơ sở khảo sát hệ tác phẩm thuộc phạm vi nghiên cứu, Chương 2 đã tập trung phân tích những biểu hiện chủ yếu của ngôn ngữ tạo hình trong tranh phong cảnh miền núi phía Bắc ở Việt Nam giai đoạn 1995–2020 qua bốn phương diện: bố cục, hình, màu sắc và không gian. Qua đó có thể thấy, tranh phong cảnh miền núi phía Bắc trong giai đoạn này không chỉ kế thừa truyền thống biểu hiện phong cảnh của mỹ thuật Việt Nam hiện đại, mà còn cho thấy những chuyển biến đáng chú ý trong cách tổ chức hình tượng, cảm nhận cảnh quan và quan niệm thẩm mỹ của các họa sĩ.

Ở phương diện bố cục, các tác phẩm thể hiện sự đa dạng trong cách tổ chức khuôn hình từ toàn cảnh, trung cảnh đến cận cảnh. Ở phương diện hình, tranh được biểu đạt theo nhiều hướng như tả thực, ước lệ và gắn với đời sống cư trú. Ở phương diện màu sắc, các tác phẩm cho thấy ba hướng hòa sắc nổi bật là nóng, lạnh và trung tính, gắn với mùa vụ, khí quyển, nhịp sống và cảm xúc thẩm mỹ. Ở

phương diện không gian, dòng tranh thể hiện rõ hai xu hướng tổ chức là không gian viễn cận và không gian mang tính ước lệ.

Các ý kiến phỏng vấn chuyên gia trong Chương 2 góp phần củng cố cơ sở khách quan cho những nhận định về bố cục, hình, màu sắc và không gian. Như vậy, Chương 2 đã làm rõ những đặc điểm cơ bản của ngôn ngữ tạo hình trong tranh phong cảnh miền núi phía Bắc giai đoạn 1995–2020, đồng thời tạo nền tảng quan trọng cho việc nhận diện giá trị thẩm mỹ, đặc trưng vùng miền và xu hướng vận động của mảng tranh này trong Chương 3.

### **Chương 3**

## **ĐẶC TRƯNG, GIÁ TRỊ NGHỆ THUẬT VÀ BÀN LUẬN VỀ NGHỆ THUẬT TẠO HÌNH TRANH PHONG CẢNH MIỀN NÚI PHÍA BẮC Ở VIỆT NAM GIAI ĐOẠN 1995–2020**

### **3.1. Đặc trưng nghệ thuật tạo hình tranh phong cảnh miền núi phía Bắc ở Việt Nam giai đoạn 1995–2020**

#### ***3.1.1. Sự gắn kết giữa cảnh quan thiên nhiên với không gian cư trú và đời sống vùng cao***

Đặc trưng nổi bật đầu tiên của tranh phong cảnh miền núi phía Bắc là sự gắn kết giữa cảnh quan thiên nhiên với không gian cư trú và đời sống vùng cao. Đặc trưng này không chỉ thể hiện ở bình diện nội dung đề tài, mà được hình thành trực tiếp từ cách tổ chức ngôn ngữ tạo hình của tác phẩm, đặc biệt trên các phương diện bố cục, hình, màu sắc và không gian. Phong cảnh trong dòng tranh này không hiện lên như thiên nhiên thuần túy, mà thường gắn với bản làng, nương rẫy, ruộng bậc thang, đường bản, nhà sàn, chợ phiên, lao động và sinh hoạt cộng đồng. Sự gắn kết này làm cho hình tượng

phong cảnh có chiều sâu xã hội và chiều sâu thị giác, đồng thời cho thấy mối quan hệ cộng sinh giữa con người với địa hình, khí hậu và môi trường sống miền núi.

### ***3.1.2. Xu hướng tăng cường tính khái quát và tính ước lệ trong tổ chức hình, màu và không gian***

Một đặc trưng quan trọng khác là xu hướng tăng cường tính khái quát và tính ước lệ trong tổ chức ngôn ngữ tạo hình. Đặc trưng này không có nghĩa là họa sĩ từ bỏ quan sát thực tại, mà cho thấy sự chuyển động từ việc ghi nhận cảnh quan theo lối mô tả sang việc chọn lọc, giản lược và tái tổ chức cảnh vật theo ý đồ biểu đạt. Ở phương diện hình, các đối tượng được cô đọng thành mảng, tuyến và nhịp; ở phương diện màu, hòa sắc được điều phối để gợi khí quyển và cảm xúc; ở phương diện không gian, chiều sâu hiện thực được kết hợp với không gian ước lệ. Nhờ đó, phong cảnh miền núi phía Bắc trở thành hình tượng nghệ thuật có độ cô đọng và sức gợi cao hơn.

### ***3.1.3. Sự đa dạng trong ngôn ngữ tạo hình qua kế thừa và biến đổi truyền thống phong cảnh***

Tranh phong cảnh miền núi phía Bắc giai đoạn 1995–2020 cho thấy sự đa dạng trong ngôn ngữ tạo hình trên nền kế thừa truyền thống tranh phong cảnh Việt Nam. Các họa sĩ tiếp tục khai thác những mô-típ quen thuộc như núi non, ruộng bậc thang, bản làng, sương mây, mùa hoa và mùa vụ, nhưng đồng thời có những biến đổi trong cách lựa chọn điểm nhìn, tổ chức bố cục, xử lý hình, điều phối màu sắc và xây dựng không gian. Sự đa dạng này phản ánh khả năng vận động nội tại của dòng tranh trong bối cảnh mỹ thuật Việt Nam đương đại, đồng thời góp phần tạo nên diện mạo riêng của phong cảnh miền núi phía Bắc.

## **3.2. Giá trị nghệ thuật tạo hình tranh phong cảnh miền núi**

## **phía Bắc ở Việt Nam giai đoạn 1995–2020**

### ***3.2.1. Giá trị nghệ thuật***

Giá trị nghệ thuật của tranh phong cảnh miền núi phía Bắc thể hiện ở khả năng chuyên hóa cảnh quan vùng cao thành hình tượng hội họa thông qua bố cục, hình, màu sắc và không gian. Ở phương diện bố cục, dòng tranh này biết tổ chức trường nhìn phù hợp với địa hình phân tầng, nhiều lớp của miền núi. Ở phương diện hình, tác phẩm linh hoạt giữa tả thực, ước lệ và biểu đạt gắn với đời sống cư trú. Ở phương diện màu sắc, các hệ hòa sắc nóng, lạnh và trung tính góp phần tạo khí sắc vùng cao. Ở phương diện không gian, tranh vừa duy trì chiều sâu thị giác, vừa mở rộng không gian ước lệ và biểu cảm. Chính sự phối hợp đó làm nên giá trị tạo hình riêng của dòng tranh, đồng thời cho thấy khả năng dung hòa giữa tính địa phương với tính tạo hình, giữa mô tả với biểu đạt.

### ***3.2.2. Giá trị văn hóa***

Giá trị văn hóa của tranh phong cảnh miền núi phía Bắc được hình thành từ khả năng lưu giữ và biểu đạt hình tượng vùng cao như một không gian sống, không gian ký ức và không gian văn hóa đặc thù. Qua các hình tượng như bản làng, nhà sàn, ruộng bậc thang, đường đèo, mùa vụ, chợ phiên và sinh hoạt cộng đồng, tranh không chỉ ghi lại vẻ đẹp thiên nhiên mà còn khẳng định mối quan hệ bền chặt giữa con người với môi trường cư trú. Ở phương diện này, giá trị văn hóa không phải là lớp nghĩa bên ngoài tác phẩm, mà được tạo nên ngay trong cách tác phẩm tổ chức hình tượng phong cảnh và biểu đạt bản sắc vùng miền.

### ***3.2.3. Xu hướng vận động của tranh phong cảnh miền núi phía Bắc ở Việt Nam giai đoạn 1995–2020***

Tranh phong cảnh miền núi phía Bắc giai đoạn 1995–2020 không vận động theo hướng đứt đoạn, mà phát triển trên nền kế thừa truyền thống phong cảnh và có những chuyển biến rõ về cách tổ chức ngôn ngữ tạo hình. Xu hướng nổi bật là sự dịch chuyển từ cách nhìn thiên về mô tả sang cách nhìn thiên về biểu đạt; từ việc tái hiện cảnh quan như đối tượng thị giác sang việc xem phong cảnh như không gian sống và hình tượng văn hóa; từ lối tổ chức tương đối ổn định sang sự đa dạng hơn trong bố cục, hình, hòa sắc và không gian. Điều này cho thấy dòng tranh có đời sống nội tại và có khả năng tiếp tục mở rộng về phương diện biểu hiện.

### **3.3. Bàn luận về tranh phong cảnh miền núi phía Bắc ở Việt Nam giai đoạn 1995–2020**

#### ***3.3.1. So sánh và đối chiếu với tranh phong cảnh khác***

Khi đặt trong tương quan với tranh phong cảnh đồng bằng - châu thổ, đô thị và biển đảo, tranh phong cảnh miền núi phía Bắc bộc lộ rõ nét riêng ở cấu trúc không gian cao - sâu - nhiều lớp, nhịp điệu tạo hình trùng điệp, uốn lượn theo địa hình, hệ màu gắn với khí hậu và mùa vụ, cũng như mối quan hệ giữa thiên nhiên hùng vĩ với đời sống cư trú của các cộng đồng dân tộc. Nếu phong cảnh đồng bằng thường thiên về không gian ngang, ổn định; phong cảnh đô thị gắn với nhịp sống hiện đại và cấu trúc kiến trúc; phong cảnh biển đảo nổi bật với độ mở đường chân trời và sắc xanh biển trời, thì phong cảnh miền núi phía Bắc nhấn mạnh địa hình phân tầng, đường đèo, ruộng bậc thang, sương mây, bản làng và sắc thái văn hóa vùng cao.

#### ***3.3.2. Vai trò và ý nghĩa của tranh phong cảnh miền núi phía Bắc giai đoạn 1995–2020 trong mỹ thuật Việt Nam đương đại***

Tranh phong cảnh miền núi phía Bắc giai đoạn 1995–2020 giữ

vai trò đáng chú ý trong mỹ thuật Việt Nam đương đại ở ba phương diện. Thứ nhất, dòng tranh này góp phần làm phong phú diện mạo tranh phong cảnh Việt Nam bằng một cảnh quan giàu đặc trưng địa lý và văn hóa. Thứ hai, nó cho thấy khả năng vận động của ngôn ngữ tạo hình trong hội họa, đặc biệt ở các phương diện bố cục, hình, màu sắc và không gian. Thứ ba, nó góp phần lưu giữ và biểu đạt hình tượng văn hóa của vùng cao. Vì vậy, tranh phong cảnh miền núi phía Bắc không chỉ có ý nghĩa như một đối tượng sáng tác, mà còn là đối tượng nghiên cứu có giá trị đối với việc nhận diện bản sắc vùng miền và sự vận động của mỹ thuật Việt Nam đương đại.

### ***3.3.3. Một số giới hạn trong biểu đạt của tranh phong cảnh miền núi phía Bắc giai đoạn 1995–2020***

Bên cạnh những giá trị đã đạt được, tranh phong cảnh miền núi phía Bắc giai đoạn 1995–2020 vẫn bộc lộ một số giới hạn trong biểu đạt. Một số tác phẩm còn sử dụng mô-típ quen thuộc như núi trùng điệp, ruộng bậc thang, bản làng, sương núi, chợ phiên, mùa hoa, mùa lúa chín với cách tổ chức bố cục, màu sắc và không gian tương đối an toàn. Trong nhiều trường hợp, tranh thiên về vẻ đẹp trực quan, êm đềm và giàu chất thơ, trong khi những biến chuyển của đời sống miền núi đương đại chưa được đưa vào cấu trúc hình tượng một cách rõ nét. Việc nhận diện các giới hạn này giúp đánh giá dòng tranh một cách cân bằng, vừa ghi nhận thành tựu, vừa chỉ ra yêu cầu tiếp tục làm mới ngôn ngữ tạo hình trước một đối tượng cảnh quan giàu sức hấp dẫn nhưng cũng dễ lặp lại mô-típ.

### **Tiểu kết**

Chương 3 đã nhận diện những đặc trưng nghệ thuật tạo hình, giá trị nghệ thuật, giá trị văn hóa và một số vấn đề bàn luận liên quan đến

tranh phong cảnh miền núi phía Bắc ở Việt Nam giai đoạn 1995–2020. Qua đó có thể thấy, đây không chỉ là một mảng đề tài phong cảnh giàu sức hấp dẫn về mặt hình ảnh, mà còn là một khu vực biểu hiện có khả năng kết tinh tương đối rõ giữa ngôn ngữ tạo hình với bản sắc vùng miền, giữa cảnh quan tự nhiên với không gian cư trú và đời sống cộng đồng vùng cao.

### **KẾT LUẬN**

Luận án đã tập trung nghiên cứu tranh phong cảnh miền núi phía Bắc ở Việt Nam giai đoạn 1995–2020 từ góc độ nghệ thuật học, với trọng tâm là phân tích ngôn ngữ tạo hình trên các phương diện bố cục, hình, màu sắc và không gian. Trên cơ sở khảo sát hệ thống tác phẩm thuộc phạm vi nghiên cứu, luận án đi tới một số kết luận chính sau đây:

Thứ nhất, luận án đã xác lập cơ sở nghiên cứu đối với tranh phong cảnh miền núi phía Bắc ở Việt Nam giai đoạn 1995–2020 thông qua việc tổng quan tình hình nghiên cứu, làm rõ một số khái niệm công cụ và khái quát đối tượng nghiên cứu trong bối cảnh lịch sử, xã hội, văn hóa và mỹ thuật liên quan. Từ đó, tranh phong cảnh miền núi phía Bắc được xác định là một khu vực biểu hiện có đối tượng cảnh quan, môi trường cư trú và bản sắc vùng miền tương đối rõ, có thể tiếp cận như một đối tượng nghiên cứu chuyên biệt trong phạm vi tranh phong cảnh Việt Nam đương đại.

Thứ hai, trên cơ sở phân tích ở Chương 2, luận án cho thấy ngôn ngữ tạo hình của tranh phong cảnh miền núi phía Bắc giai đoạn 1995–2020 được biểu hiện rõ qua bốn phương diện: bố cục, hình, màu sắc và không gian. Về bố cục, các tác phẩm cho thấy sự đa dạng trong tổ chức khuôn hình nhìn, từ toàn cảnh, trung cảnh đến cận

cảnh, qua đó làm nổi bật quy mô địa hình, nhịp sống cư trú và các mô-típ giàu tính gợi cảm của vùng cao. Về hình, tranh phong cảnh miền núi phía Bắc vận động giữa khuynh hướng tả thực, khuynh hướng ước lệ và cách biểu đạt hình gắn với đời sống, không gian cư trú. Về màu sắc, các tác phẩm thể hiện sự phong phú của hệ hòa sắc nóng, lạnh và trung tính, gắn với những khả năng biểu đạt khác nhau về mùa vụ, khí quyển, nhịp sống và cấu trúc không gian. Về không gian, tranh vừa duy trì cách tổ chức theo chiều sâu thị giác, vừa tăng cường những biểu hiện mang tính ước lệ, tạo nên cảm thức không gian đặc thù của miền núi phía Bắc.

Thứ ba, từ kết quả phân tích ngôn ngữ tạo hình, luận án nhận diện ba đặc trưng nổi bật của tranh phong cảnh miền núi phía Bắc ở Việt Nam giai đoạn 1995–2020: sự gắn kết giữa cảnh quan thiên nhiên với không gian cư trú và đời sống vùng cao; xu hướng tăng cường tính khái quát, tính ước lệ trong tổ chức hình, màu sắc và không gian; và sự đa dạng trong ngôn ngữ tạo hình trên cơ sở kế thừa, biến đổi truyền thống tranh phong cảnh. Những đặc trưng này cho thấy tranh phong cảnh miền núi phía Bắc không chỉ phản ánh vẻ đẹp thiên nhiên vùng cao mà còn chuyển hóa cảnh quan ấy thành hình tượng nghệ thuật mang bản sắc vùng miền và có sức gợi thẩm mỹ riêng.

Thứ tư, luận án cho thấy tranh phong cảnh miền núi phía Bắc giai đoạn 1995–2020 có giá trị nghệ thuật và giá trị văn hóa đáng chú ý. Giá trị nghệ thuật được thể hiện ở khả năng chuyển hóa cảnh quan vùng cao thành hình tượng hội họa thông qua bố cục, hình, màu sắc và không gian; ở sự kết hợp giữa tính địa phương với tính tạo hình, giữa mô tả với biểu đạt, giữa cảnh quan tự nhiên với đời sống cư trú.

Giá trị văn hóa thể hiện ở khả năng lưu giữ và biểu đạt hình tượng vùng cao như một không gian sống, không gian ký ức và không gian văn hóa đặc thù. Qua các hình tượng như bản làng, nhà sàn, ruộng bậc thang, đường đèo, mùa vụ, chợ phiên và sinh hoạt cộng đồng, tranh phong cảnh miền núi phía Bắc góp phần làm hiện lên bản sắc vùng miền và mối quan hệ gắn bó giữa con người với môi trường cư trú vùng cao.

Thứ năm, trong tương quan với tranh phong cảnh Việt Nam nói chung, tranh phong cảnh miền núi phía Bắc giai đoạn 1995–2020 cho thấy một diện mạo riêng ở cấu trúc cảnh quan phân tầng, sự gắn bó giữa thiên nhiên với cư trú và cách tổ chức ngôn ngữ tạo hình gắn với bản sắc vùng miền. Dòng tranh này vận động trên nền kế thừa truyền thống phong cảnh, đồng thời có những chuyển biến theo hướng tăng cường tính khái quát, tính ước lệ, đa dạng hóa phương thức biểu hiện và nhấn mạnh hơn đến không gian sống vùng cao. Bên cạnh những giá trị đã đạt được, tranh phong cảnh miền núi phía Bắc giai đoạn này cũng bộc lộ một số giới hạn như sự lặp lại của mô-típ quen thuộc, khuynh hướng an toàn trong tổ chức ngôn ngữ tạo hình và mức độ phát hiện mới về đời sống miền núi chưa thật đồng đều giữa các tác phẩm.

Từ những kết quả trên, có thể khẳng định luận án đã góp phần làm rõ diện mạo nghệ thuật tạo hình của tranh phong cảnh miền núi phía Bắc ở Việt Nam giai đoạn 1995–2020 từ góc độ nghệ thuật học. Đóng góp chính của luận án là hệ thống hóa đối tượng nghiên cứu, phân tích ngôn ngữ tạo hình của dòng tranh qua các phương diện bố cục, hình, màu sắc và không gian, từ đó rút ra những đặc trưng, giá trị và xu hướng vận động của tranh phong cảnh miền núi phía Bắc trong mỹ thuật Việt Nam đương đại.

## DANH MỤC CÁC CÔNG TRÌNH KHOA HỌC CỦA TÁC GIẢ ĐÃ CÔNG BỐ CÓ LIÊN QUAN ĐẾN ĐỀ TÀI LUẬN ÁN

1. Đỗ Mạnh Hải (2024), “Về đẹp của ruộng bậc thang qua một số chất liệu tranh trong Hội họa Việt Nam hiện đại”, Tạp chí *Văn hóa học*, số 2 (72), tr. 66 - 73.

2. Đỗ Mạnh Hải (2024), “Những nhân tố tác động đến sáng tác tranh phong cảnh miền núi phía Bắc giai đoạn 1996-2020”, Tạp chí *Lý luận phê bình Văn học Nghệ thuật*, số 7, tr. 149 - 154.

3. Do Manh Hai (2024), “Decorating Ao dai (Traditoinal Vietnamese Long dress) With Natural Landscapes” (Trang trí Áo Dài (Trang phục truyền thống Việt Nam) với phong cảnh thiên nhiên), *International scientific conference proceedings Enhancing art creativity and applied art training to promote international integration*, Thế giới publishers, Hà Nội, tr. 205 - 214, ISBN: 978-604-77-6681-9.

4. Đỗ Mạnh Hải, Nguyễn Văn Thiều, Đỗ Thị Linh Chi, Dương Thu Trang (2024), “Enhancing analytical and aesthetic evaluation skills in elementary school students through landscape paintings of highland areas” (Nâng cao năng lực phân tích và đánh giá thẩm mỹ ở học sinh tiểu học thông qua tranh phong cảnh vùng cao), Hội thảo khoa học Quốc tế *Giáo dục tiêu học trong xu thế hội nhập - Primary education in the integration trends*, Nxb Đại học Quốc gia Hà Nội, Hà Nội, tr. 424 - 432.

5. Đỗ Mạnh Hải (2024), “Về đẹp miền núi phía Bắc qua tranh phong cảnh đồ họa ở triển lãm mỹ thuật toàn quốc từ năm 2010 đến 2020”, Kỷ yếu Hội thảo khoa học Quốc gia *Di sản Nghệ thuật Việt Nam - Bảo tồn và phát huy*, Nxb Đà Nẵng, Đà Nẵng, tr. 212 - 220.

6. Đỗ Mạnh Hải (2024), “Vai trò của tranh phong cảnh đồ họa trong mỹ thuật ứng dụng và định hướng nghề nghiệp cho học sinh trung học phổ thông”, Hội thảo khoa học Quốc gia *Sáng tạo trong đào tạo Mỹ thuật ứng dụng*, Nxb Đại học Quốc gia Hà Nội, Hà Nội, tr. 502 - 510.

7. Đỗ Mạnh Hải, Hồ Thủy Ngân (2024), “Tranh phong cảnh và nghệ thuật Múa: Diễn tả và truyền thông giáo dục văn hóa nghệ thuật”, Hội thảo khoa học quốc tế văn hóa và giáo dục lần thứ IV (ICCE 2023): *Giáo dục giá trị văn hóa trong bối cảnh hội nhập*, Nxb Đại học Huế, Huế, tr. 149 - 154.

8. Đỗ Mạnh Hải (2025), “Biểu hiện tạo hình tranh phong cảnh miền núi phía Bắc ở Việt Nam giai đoạn 1996 - 2020”, *Kỷ yếu Hội nghị Nghiên cứu khoa học của nghiên cứu sinh năm 2024*, Nxb Khoa học - Công nghệ - Truyền thông, Hà Nội, tr.116-128.